

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 115/Công Ty CP Acecook Việt Nam/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM**

Địa chỉ: **LÔ SỐ B-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM.**

Điện thoại: **02838154064 Fax: 02838154067**

Email: **info@acecookvietnam.vn**

Mã số doanh nghiệp: **0306068687**

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Acecook đã có giấy chứng nhận HACCP

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN1400250	15.10.2019	SGH Việt Nam	Địa chỉ: Lô số B-3, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG

Mã hồ sơ: SGN24/06.21V

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **MÌ SIUKAY HƯƠNG VỊ GÀ CAY PHỞ MẠI**

2. Thành phần:

Vật mề: Bột mì, tinh bột khoai mì, dầu cọ, chất làm dày (1440), muối, đường, nước mắm, chất tạo xốp (500(ii)), chất ổn định (451(i)), bột ngô, phẩm màu carnosin tự nhiên, chất chống oxy hóa (320, 321).

Các gia vị: Các gia vị (01, tỏi, hành, gừng), dầu cọ, đường, cà chua, chất điều vị (621, 631, 627), muối, bột phủ màu 12,54 g/kg, hương liệu tổng hợp (hương phở mùi, hương gà, hương hành phở), chiết xuất thịt gà 8,30 g/kg, phẩm màu (paprika oleoresin tự nhiên, caroten nhóm I tổng hợp), protein đậu nành, chất chống đông vón (551), chiết xuất từ ớt, chất bảo quản (202).

Số tiêu chuẩn: **45-21**

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng:

NSX, ngày, tháng, năm, ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

Hạn sử dụng: 5 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 gói (p/gói): **129 g +/- 5,8 g**

Số lượng gói/thùng carton: **24 gói/thùng.**

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong bao bì của trục phức hợp, của trục lớp trong PP (polypropylene) tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Sau đó các sản phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011
1	Cadmium (Cd)	mg/kg	0,2	Mức 1.20
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mức 1.18

Mã hồ sơ: SGN24/06.21V

2. Giới hạn độc tố vi nấm: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011
1	Aflatoxin B1	µg/kg	3,0	Mức 1.6
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mức 1.6
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mức 2.2
4	Doxynivalenol	µg/kg	750,0	Mức 4.4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mức 5.3

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, mục 6.5.2.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁶
2	Coliform	cfu/g	10,0
3	E-Coli	mpn/g	3,0
4	Salmon	cfu/g	10,0
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10,0
6	B. cereus	cfu/g	10,0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10 ⁶

4. Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vật trị	%	10,0

5. Dạng động thành phần dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn	Không dao động ±20%
1	Giá trị năng lượng	kcal/129g	536	429 - 643
2	Hàm lượng chất béo	g/129g	19,1	15,3 - 22,9
3	Hàm lượng carbohydrate	g/129g	80,8	64,6 - 97,0
4	Hàm lượng chất đạm	g/129g	10,1	8,1 - 12,1

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2021

BÁI ĐIỆN DOANH NGHIỆP

KAWARA JUNICHI
Tổng Giám Đốc
General Director

Mã hồ sơ: SXGK24/ĐK.21V



KATWARA JUNICHI
Tổng Giám Đốc
General Director

Mã hồ sơ: SKGN24/06.2TV